

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-11-2019.
V/v Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Hạnh.

2/ Bà Lại Thị Mỹ Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trần Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Ng đơn:** Chị Mai Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn HC, xã HT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn HC, xã HT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

(Chị H có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử Ng đơn chị Mai Thị H trình bày:

+ **Về hôn nhân:** Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân lâu rồi nhưng sau này mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT vào năm 1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống đầm ấm, hạnh phúc, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn

gì. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó đến nay. Nay để ổn định cuộc sống riêng, chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T.

+ **Về con chung:** Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 29/02/1997 và Nguyễn Trường K, sinh ngày 27/3/2004. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

+ **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tại phiên tòa chị H rút yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị H khai vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của Ng đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản làm việc ngày 01/11/2019, đại diện chính quyền địa phương nơi cư trú của anh T cung cấp như sau: Anh T và chị H là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, quá trình sống chung xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2014, năm 2017 chị H đã có đơn ly hôn với anh T. Đề nghị Tòa án cho chị H và anh T ly hôn.

* Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị H thấy rằng, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh T không đến Tòa án để giải quyết, chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn vợ chồng với chị H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 29/02/1997 và Nguyễn Trường K, sinh ngày 27/3/2004. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Trường K, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị H rút yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy ý kiến của chị H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai vợ chồng tự thỏa thuận nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn T. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ ở huyện BB, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Tòa án cùng chính quyền địa phương đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản làm việc ngày 01/11/2019, đại diện chính quyền địa phương nơi cư trú của anh T và chị H cung cấp như sau: Anh T và chị H là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, quá trình sống chung xảy ra mâu thuẫn, chị H đã làm đơn ly hôn từ năm 2017 đến nay. Đề nghị Tòa án cho chị H và anh T ly hôn.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà anh Nguyễn Văn T để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T cố tình lẩn tránh, vắng mặt không đến Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải đối với anh T theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về nội dung*:

Hôn nhân của chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 274 ngày 26 tháng 9 năm 1996 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần cùng chính quyền địa phương đến nhà anh T để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T cố tình lẩn tránh, vắng mặt không đến Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án; chứng tỏ, anh T không có thiện chí hòa giải tình cảm để hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị H, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, anh T đã tự khước từ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T. Căn cứ vào Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] *Về con chung*:

- Về nuôi con: Chị H và anh T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 29/02/1997 và Nguyễn Trường K, sinh ngày 27/3/2004. Khi ly hôn, chị H có yêu cầu là con tên Ng đã trưởng thành, con tên K đang ở với chị nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử thấy rằng từ trước đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con tên K, con tên K có nguyện vọng ở với mẹ, do vậy yêu cầu của chị H được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nữa. Xét việc rút yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H khai vợ chồng tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với anh T không có lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa, nên nếu sau này anh T có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị Mai Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 01 Điều 28, Điểm a Khoản 01 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 146, Điều 147, Khoản 1, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi Hình án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị H đối với anh Nguyễn Văn T.

Chị Mai Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung

- **Về nuôi con**: Giao cháu tên Nguyễn Trường K, sinh ngày 27/3/2004 cho chị Mai Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

- **Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng**: Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Trường K, sinh ngày 27/3/2004.

3. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

chị H đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029231 ngày 15/8/2019 tại Chi cục thi Hình án Dân sự huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Chị Ngọc đã nộp đủ án phí nên không phải nộp nữa.

Trường hợp Bản án được thi Hình án theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi Hình án dân sự.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo của chị Mai Thị H là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2019).

Riêng chị anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Chi cục THA huyện Bắc Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã HT (để ghi vào sổ 274/1996 ngày 26/9/1996);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh

